

美和科技大學
Trường Đại học Mỹ Hòa
系校(海)外實習學習計畫表

Кế hoạch thực tập ở nước ngoài của Khoa Quản lý Khách sạn

第一部分：基本資料 (Phần 1: Thông tin cơ bản)						
實習學生 (Sinh viên thực tập)	姓名 (Họ và tên)			學號 (Mã số sinh viên)		
	系別(Khoa) 班級(Lớp)			學校輔導教師 (Cố vấn trường học)		
	實習期間 (Thời gian thực tập)	自 年 月 日 至 年 月 日 Từ năm tháng ngày đến năm tháng ngày				
實習機構 (Tổ chức thực tập)	機構名稱 (Tên tổ chức)					
	實習部門 (Bộ phận thực tập)					
	輔導教師 (Gia sư cơ sở thực tập)					
第二部分：實習學習內容 (Phần 2: Nội dung học tập và thực tập)						
實習學習 內容 (Nội dung học tập và thực tập)	實習課程科目 (Môn học thực tập)			實習學分學時 (Số giờ tính điểm thực tập)		實習時數 (Số giờ thực tập)
	實習課程 目標 (Mục tiêu của khóa thực tập)					
	實習課程 內涵 (實習主軸) Nội dung của khóa thực tập (Trọng tâm của thực tập)					

教師輔導訪視
實習課程進行
之規劃

Lên kế hoạch thực
hiện khóa thực tập
tham quan tư vấn
giáo viên

企業提供實習
課程指導與資
源說明/輔導實
習課程規劃

Các doanh nghiệp
cung cấp hướng dẫn
khóa thực tập và mô
tả nguồn lực/huấn
luyện lập kế hoạch
khóa thực tập

實習成效 考核與回 饋 (Đánh giá hiệu quả thực tập và phản hồi)	實習成效 考核指標 或項目 Các chỉ số hoặc mục đánh giá hiệu quả thực tập	(說明學生實習成果的展現方式與其評核項目與權重)
	實習成效與 教學評核 方式 Kết quả thực tập và Phương pháp đánh giá giảng dạy	(說明學生實習成果的評核期程以及評核人員與評核方式等) 1. 學生實習成果的評核期程： 年 月 日至 年 月 日 2. 評核人員：■學校輔導老師(評核 50 %) ■業界輔導老師(評核 50 %) (Mô tả thời gian đánh giá kết quả thực tập của sinh viên cũng như các nhân viên và phương thức đánh giá) 1. Thời gian đánh giá kết quả thực tập của sinh viên: Từ ngày 01 tháng 02 năm 2025 đến ngày 31 tháng 07 năm 2025 2. Người đánh giá: ■Cố vấn trường học (đánh giá 50%) ■Cố vấn ngành (đánh giá 50%)

	實習課程 回饋規劃 Khóa học thực tập Kế hoạch phản hồi	(說明實習課程結束後相關成效的回饋及檢討方式)
第三部分：各階段實習內容具體規劃與時程分配表 (Phần 3: Nội dung và lịch trình cụ thể của từng giai đoạn thực tập)		
期程規劃 (Lịch trình kế hoạch)		實習具體項目 (Các dự án cụ thể của thực tập)
實習學生簽章 Chữ ký của sinh viên thực tập	輔導老師簽章 Chữ ký của giáo viên hướng dẫn	實習機構簽章 Chữ ký của tổ chức thực tập